



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Số: 415./CECO-PTHT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Mã chứng khoán: CEC
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 04.3845.5777
- Fax: 04.3823.2325
- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu – Kiểm soát viên.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về Báo cáo thường niên của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất năm 2018.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/4/2019 (đường dẫn: www.ceco.com.vn/Quan_hệ_cổ_đồng/Báo_cáo_thường_niên).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2018.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trương Thị Minh Thu



www.ceco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



Địa chỉ: Số 21A Cát Linh, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 38455777 Fax: (84-4) 38232325
Email: engineering@ceco.com.vn



MỤC LỤC

I. Thông tin chung.....	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
5. Định hướng phát triển.....	7
6. Các rủi ro.....	8
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	18
4. Tình hình tài chính.....	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	20
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	21
2. Tình hình tài chính.....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	22
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	22
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	25
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	25
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	26
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	28
V. Quản trị Công ty.....	29
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát.....	33
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	39
VI. Báo cáo tài chính.....	40
1. Ý kiến kiểm toán.....	40
2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.....	40
(Đính kèm theo phụ lục của báo cáo này).....	40

035
G TY
HÃ
T K
NGH
CH
A - T



DANH SÁCH BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.....	11
Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2018.....	12
Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc.....	12
Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên.....	18
Bảng 5: Các công ty con, công ty liên kết của công ty.....	18
Bảng 6: Tình hình tài chính.....	19
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản.....	19
Bảng 8: Cơ cấu cổ đông.....	20
Bảng 9: Cổ đông lớn.....	20
Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.....	21
Bảng 11: Tình hình tài sản.....	21
Bảng 12: Nợ phải trả.....	21
Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.....	23
Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT.....	29
Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát.....	34
Bảng 16: Thủ lao HĐQT, BKS năm 2017.....	39
Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ.....	39
Sơ đồ 1: Mô hình quản trị.....	3



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103520 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2006 và thay đổi lần thứ 15 ngày 13/03/2018.
- Vốn điều lệ: 59.770.360.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 59.770.360.000 đồng
- Địa chỉ: 21 A, Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 84-(024)-3845 5777
- Số fax: 84-(024)-3823 2325
- Website: <http://ceco.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): CEC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất ngày nay tiền thân là Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất, được thành lập từ năm 1967, tách ra từ Viện Thiết kế tổng hợp thuộc Bộ Công nghiệp Nặng.

Năm 1973 Tổng cục Hóa chất quyết định đổi tên Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất thành Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất.

Ngày 22 tháng 5 năm 1978 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 112 CP thành lập Viện thiết kế công nghiệp hóa chất với các nhiệm vụ chính như sau:

- Tiến hành nghiên cứu thí nghiệm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật về quá trình công nghệ, thiết bị và máy hóa nhằm sớm đưa các công trình nghiên cứu ra phục vụ sản xuất, đổi mới kỹ thuật trong các nhà máy hóa chất đã xây dựng, từng bước trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ ngành công nghiệp hóa chất ở nước ta.

- Thiết kế các nhà máy, xí nghiệp sản xuất hóa chất trực tiếp phục vụ việc xây dựng và phát triển ngành công nghiệp hóa chất toàn quốc.

- Nghiên cứu giúp Tổng cục Hóa chất trong việc xét duyệt, tổ chức xây dựng các công trình và lựa chọn thiết bị hóa chất ... do nước ngoài đảm nhiệm.

- Viện Thiết kế công nghiệp hóa chất là đơn vị hoạt động khoa học thực hiện hạch toán kinh tế đầu tiên (từ năm 1977) của ngành hóa chất.

Năm 1993, để phù hợp với nền kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề, Viện đã được Chính phủ đồng ý cho chuyển thành doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thiết kế công nghiệp hóa chất (Quyết định số 370/QĐ-TCNSDT ngày 17/6/1993) do Bộ Trưởng Bộ công nghiệp Nặng ký).

Năm 2005 thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, Công ty đã lập phương án và được Bộ Công nghiệp phê duyệt, chuyển thành Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp hóa chất (Theo quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày



24/10/2005) hoạt động theo luật doanh nghiệp.

Ngày 01/04/2006, Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và quy định của Luật Doanh nghiệp với mức vốn điều lệ ban đầu là 8.000.000.000 đồng.

Ngày 16/5/2011, Công ty đã được UBCKNN chấp thuận việc đăng ký Công ty đại chúng với mức vốn điều lệ là 17.579.520.000 đồng.

Ngày 29/05/2012, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 45 năm thành lập và vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất với sự tham dự của Ông Nguyễn Nam Hải - Thứ trưởng Bộ Công Thương. Trước niềm vinh dự lớn lao và tự hào này, Công ty cố gắng phấn đấu tiếp tục phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được, đoàn kết nhất trí, đẩy mạnh lao động sản xuất, hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và phấn đấu đứng trong nhóm các công ty tư vấn kỹ thuật hàng đầu của Việt Nam.

Ngày 08/02/2013, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 29.885.180.000 đồng.

Ngày 28/02/2014, Sở GDCK chấp thuận cho Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 2.988.518 cổ phần.

Ngày 20/09/2016, Công ty phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 59.770.360.000 đồng.

Ngày 02/12/2016, Công ty đã hoàn thành việc đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch là 5.977.036 cổ phần.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thực hiện các đề tài nghiên cứu và phát triển; triển khai các dự án khoa học công nghệ; cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và chuyển giao sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền công nghệ;

- Tư vấn quy hoạch phát triển ngành; tư vấn đầu tư; tư vấn kỹ thuật; tư vấn giám sát; cung cấp dịch vụ quản lý dự án và trợ giúp kỹ thuật;

- Khảo sát, thiết kế, hướng dẫn thi công;

- Kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng công trình;

- Cung cấp dịch vụ môi trường;

- Tổng thầu các dự án tích hợp.

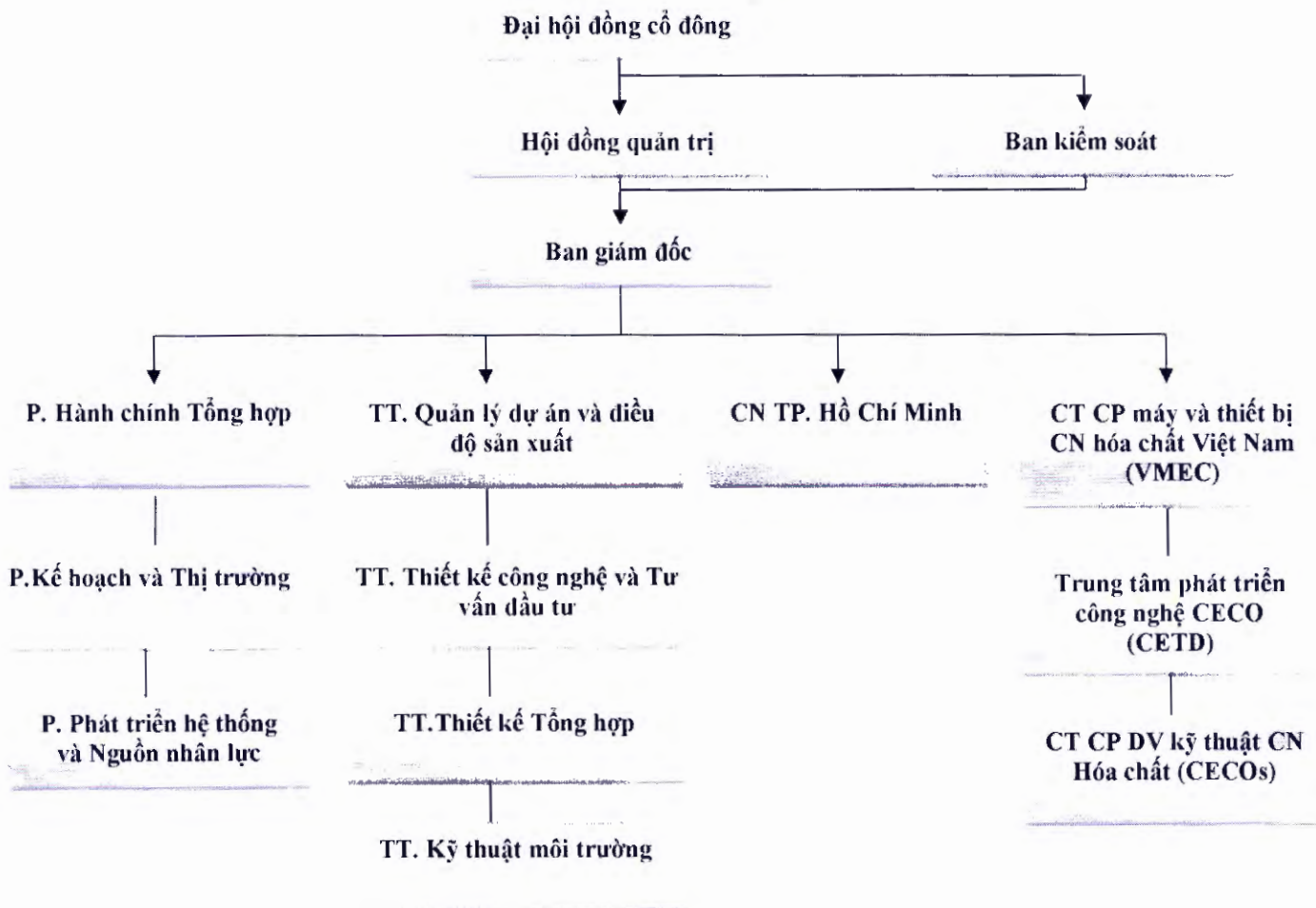
❖ Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh trải khắp cả nước, tập trung ở các tỉnh: Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hà Nội, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh, Cà Mau.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

Sơ đồ 1: Mô hình quản trị



4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015, sửa đổi bổ sung ngày 12/9/2016.
- Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/7/2012 quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng.
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

❖ Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội cổ đông có các quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty, thông qua các nội dung hợp thường niên hàng năm; thông qua tổ chức lại và giải thể Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hiện tại, Hội đồng quản trị của Công ty có bốn (04) thành viên bao gồm một (01) Chủ tịch HĐQT và bốn (03) thành viên HĐQT, khuyết một thành viên nhưng chưa tiến hành bầu bổ sung trong năm 2018 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ. Danh sách thành viên HĐQT hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Thành viên	Ông Đỗ Hiên Ngang
3	Thành viên	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên	Ông Nguyễn Thủy Nguyên

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như: kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty. Danh sách thành viên Ban kiểm soát Công ty hiện tại như sau:

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng ban	Bà Trương Thanh Vân
2	Kiểm soát viên	Bà Trương Thị Minh Thu
3	Kiểm soát viên	Bà Trần Thị Minh Trang

❖ Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty hiện nay như sau:



STT	Chức vụ	Họ và Tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
2	Phó giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Các phòng ban chức năng:

↓ *Phòng Hành Chính Tổng hợp*

- Thực hiện công tác tài chính, kế toán; Giúp Giám đốc công ty quản lý tài sản, nguồn vốn của công ty;

- Quản lý đầu tư, dịch vụ ngoài sản xuất kinh doanh chính;

- Đảm nhiệm công tác hành chính văn phòng, quan hệ với địa phương tại Trụ sở chính;

- Thực hiện các dịch vụ hành chính nội bộ (xuất bản, giao nhận tài liệu, sửa chữa bảo trì, phát thanh, ghi hình, quản lý cơ sở vật chất...).

↓ *Phòng Kế hoạch và Thị trường*

- Xây dựng thương hiệu, xây dựng văn hóa Công ty;

- Xây dựng chiến lược phát triển;

- Marketing cơ sở dữ liệu;

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh (ngắn hạn và dài hạn);

- Quản lý công tác khoa học công nghệ và công tác nghiên cứu phát triển;

- Quan hệ công chúng, hợp tác chiến lược;

↓ *Phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực*

- Duy trì và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng toàn công ty;

- Phát triển và bảo vệ tài sản trí thức;

- Công tác pháp chế, quan hệ cổ đông (bao gồm thư ký Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát);

- Kiểm soát nội bộ (bao gồm kiểm toán nội bộ);

- Quản lý thông tin (bao gồm thư viện);

- Truyền thông nội bộ;

- Tổ chức bộ máy, lao động.

↓ *Trung tâm Quản lý dự án và điều độ sản xuất*

- Giúp Giám đốc công ty điều độ sản xuất, giao nhiệm vụ hợp đồng;

- Chào giá, dự thầu;

- Quản lý hợp đồng sản xuất, quản lý giá;

- Xây dựng tiêu chuẩn, quy trình quản lý chất lượng dự án.

↓ *Trung tâm Thiết kế công nghệ và Tư vấn đầu tư*

- Thực hiện các dự án/ hợp đồng tư vấn đầu tư (lập FS, quy hoạch, chiến lược

ngành, ...)

- Thực hiện thiết kế phần công nghệ, thiết bị, cơ khí;
- Nghiên cứu phát triển công nghệ sản xuất ngành hóa chất và liên quan.

✚ *Trung tâm Thiết kế Tổng hợp*

- Thực hiện thiết kế phần xây dựng, điện, tự động hóa, nước, HVAC...;
- Thiết kế các công trình phụ trợ khác;
- Lập, thẩm tra dự toán, tính toán hiệu quả kinh tế của dự án.

✚ *Trung tâm Kỹ thuật môi trường*

- Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ và bảo vệ môi trường trong công trình công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.
- Tư vấn, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và thiết bị tiên tiến vào thiết kế xử lý môi trường trong công trình công nghiệp và dân dụng.

✚ *Các đơn vị trực thuộc*

Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Trụ sở tại: 37/76 Trần Đình Xu, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn phòng giao dịch tại: Lầu 8, 22 Lý Tự Trọng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết.

✚ Công ty cổ phần Máy và Thiết bị công nghiệp hóa chất Việt Nam

- Trụ sở chính: Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 22.425.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai mươi hai tỷ, bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại VMEC là: 55,33% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại; sản xuất, lắp đặt, sửa chữa các loại máy móc thiết bị; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ công trình công nghiệp hóa chất.

✚ Công ty cổ phần CECO Hà Nội

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 8.400.000.000 đồng (*Bằng chữ: tám tỷ bốn trăm triệu đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại Công ty CP CECO Hà Nội là: 36,4% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ thi công xây lắp nhỏ, sửa chữa chống ăn mòn các nhà máy hoá chất, sản xuất phân bón và khoáng sản.

✚ Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp hóa chất (gọi tắt là CECOs)

- Trụ sở chính: 21A Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: sáu tỷ đồng*)
- Tỷ lệ sở hữu của CECO tại CECOs là: 51% vốn điều lệ.



Ngành nghề kinh doanh chính: Xây lắp, sửa chữa, bảo trì các nhà máy nhiệt điện khu vực Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh.

↓ Công ty CP Công nghiệp hóa chất Tây Ninh (TANICHEM)

- Trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Tân Hội 1, ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: một trăm hai mươi ty đồng*)

Tỉ lệ sở hữu của CECO tại TANICHEM là: 1,14% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sản xuất phân bón.

↓ Trung tâm Phát triển công nghệ CECO

- Trụ sở chính: 21 A phố Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

- Vốn điều lệ: 1.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: một ty sáu trăm triệu đồng*)

- Tỷ lệ sở hữu của CECO: 100% vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học, chế tạo máy, vật liệu trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hóa dược, dầu khí, thực phẩm, chế biến khoáng sản, năng lượng và môi trường.

+ Dịch vụ khoa học công nghệ: Tư vấn, chuyển giao công nghệ; Thí nghiệm; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Tham gia đào tạo, Thông tin khoa học và công nghệ; Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trên.

+ Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm là kết quả của quá trình nghiên cứu trong lĩnh vực trên.

5. Định hướng phát triển

↓ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên tập trung trí tuệ, luôn đổi mới nhận thức, tiếp cận tiên bộ khoa học kỹ thuật để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, với cơ cấu giá trị hợp lý giữa ba nhóm công việc chính là tư vấn thiết kế, dịch vụ thi công xây lắp, mua sắm thiết bị và dịch vụ môi trường. Công ty đã và đang hướng tới những dự án tổng thầu EPC các công trình công nghiệp hóa chất lớn và các công trình công nghiệp khác liên quan.

- Giữ vững và phát huy vai trò là doanh nghiệp tư vấn thiết kế hàng đầu trong ngành công nghiệp hóa chất và các ngành công nghiệp khác liên quan.

- Phân đấu đưa đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cố gắng cho cổ đông năm sau bằng hoặc cao hơn năm trước.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu, đưa CECO đứng trong hàng ngũ 5 đơn vị tư vấn hàng đầu của cả nước về thực hiện công việc tư vấn thiết kế và thi công xây lắp.

- Cung cấp hoàn chỉnh các đề án thiết kế và các dịch vụ tư vấn đầu tư, cung ứng, thi công xây dựng công trình và dịch vụ môi trường.

↓ Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tăng cường công tác tiếp thị, thông tin thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh trong đó đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm thương hiệu doanh nghiệp để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý chất lượng, tiến độ các dự án đặc biệt là các dự án EPC.

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ký các thỏa thuận ghi nhớ hợp tác với các đối tác có thế mạnh riêng theo từng lĩnh vực để cùng tham gia mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

↓ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn quan tâm đến lĩnh vực bảo vệ môi trường, tư vấn và định hướng cho khách hàng tiếp cận công nghệ sạch, công nghệ hữu cơ, vi sinh trong sản xuất phân bón và đổi mới công nghệ trong sản xuất hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tích cực tham gia các phong trào vì trách nhiệm xã hội và cộng đồng do Bộ Công thương, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và địa phương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở phát động.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố kinh tế cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.

↓ Tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV năm 2018 ước tính tăng 7,31% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,65% và khu vực dịch vụ tăng 7,61%. Tăng trưởng quý IV/2018 thấp hơn tốc độ tăng trưởng quý IV/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý IV các năm 2011-2016. Xét về góc độ sử dụng GDP quý IV năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,51% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 9,06%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 10,69%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 9,50%.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp

8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%..

↓ Lãi suất

Trong một nền kinh tế chung chưa phục hồi ổn định, tăng trưởng chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế Việt Nam nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất. Do đó những dự báo về triển vọng phát triển trong tương lai cũng như những kế hoạch kinh doanh đã đề ra của CECO có thể thay đổi theo biến động của nền kinh tế.

↓ Thị trường:

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2017 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Bên cạnh đó, căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tích cực trong năm 2017, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm, ảnh hưởng tới mục tiêu kiểm soát lạm phát; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Các dự án đầu tư nói chung và các dự án về sản xuất công nghiệp nói riêng giảm đáng kể do đó ảnh hưởng rất nhiều đến việc cạnh tranh cơ hội tiếp cận các dự án của Công ty.

Hiện nay cũng đã xuất hiện rất nhiều các công ty trong và ngoài nước tại Việt Nam có quy mô tương tự hoặc lớn hơn, có năng lực và trình độ chuyên nghiệp tham gia vào thị trường tư vấn thiết kế, mua sắm và thi công xây lắp thuộc lĩnh vực Phân bón và Hóa chất đã ảnh hưởng trực tiếp đến thị phần của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bền vững, không có dự án gói đầu nên gặp khó khăn khi dự án này tạm dừng thực hiện.

Cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp đã cổ phần mà nhà nước chiếm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đấu thầu, Luật Xây dựng và các chính sách có liên quan của Chính phủ. Nhìn chung, với hệ thống luật pháp và chính sách đã và đang được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, nhất quán như hiện nay sẽ tạo ra một hành lang pháp lý thông thoáng, bình đẳng cho mọi



thành phần kinh tế cũng như đáp ứng được các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Điều này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất nói riêng.

Tuy nhiên, hiện nay, trong quá trình hoạt động, CECO nói riêng và các doanh nghiệp trên cả nước nói chung luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi chính sách áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ thống các qui định của pháp luật do nhà nước ban hành thay đổi quá nhiều (đặc biệt là Luật Đấu thầu; Luật Xây dựng; các Nghị định, Thông tư về quản lý dự án ĐTXDCT, quản lý chất lượng, hợp đồng, quản lý chi phí ...), đặc biệt các gói thầu xây lắp có giá trị < 5 tỷ chỉ các công ty nhỏ và siêu nhỏ được thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các dự án mà Công ty đã tiếp thị trước đây.

Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Vì vậy, nhận diện các rủi ro pháp lý sẽ giúp công ty chủ động trong việc phòng chống, quản trị được những rủi ro hữu hiệu nhất.

Công ty là công ty đại chúng, đã thực hiện đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Do đó, Công ty phải thực hiện các quy định công bố thông tin theo các văn bản luật, các Thông tư hướng dẫn liên quan rất chặt chẽ.

6.3. Rủi ro đặc thù

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng trong ngành công nghiệp hóa chất và công nghiệp khác liên quan nên công ty cũng chịu những rủi ro của ngành liên quan đến hoạt động kinh doanh.

- Rủi ro về chất lượng các sản phẩm tư vấn: Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng trong việc lập dự án và trong khâu thiết kế. Tuy nhiên, trong quá trình lập dự án và trong khâu thiết kế, công ty có thể gặp rủi ro khi các quy chuẩn, tiêu chuẩn của dự án không phù hợp với thông lệ quốc tế, hay không phù hợp với các công ty thiết kế.

- Ngoài ra, công ty phải tuân thủ theo các quy định pháp lý về lựa chọn bổ nhiệm các chức danh liên quan đến dự án (chủ nhiệm lập dự án, chủ nhiệm thiết kế...). Khi thực thi dự án, do sự bất cẩn hay sai sót của các chức danh chủ nhiệm lập dự án hay chủ nhiệm thiết kế... khiến công ty gặp rủi ro làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

- Rủi ro trong việc thực hiện các gói thầu EPC: Công ty gặp phải rủi ro liên quan đến quy định về đền bù vật chất khi thiết kế sai, dẫn đến hư hỏng công trình, không đảm bảo chất lượng thiết bị, công suất, chất lượng sản phẩm...

6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của công ty, các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà công ty cho là phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2018, giá trị hợp đồng ký mới trong năm ít, giá trị nhỏ, khối lượng công việc nhiều nhưng chủ yếu là Hợp đồng EPC NPK Đạm Cà Mau, Hợp đồng thiết kế lớn Messer Dung Quất, Messer Hải Dương từ năm 2017 chuyển sang. Công ty cũng đã tham gia rất nhiều gói thầu như Vinfast, MMF, các dự án NOx nhưng không đạt được kết quả như mong đợi. Ngoài ra, Công ty còn phải giải quyết các vấn đề còn tồn đọng của các dự án trước đây như quyết toán DAP2, tranh chấp hợp đồng EPC Muối Lào tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2018.

Sản lượng và doanh thu của công ty năm 2018 mặc dù đã tăng nhiều so với năm 2017, tuy nhiên doanh thu chỉ đạt được 89,4%, giá trị hợp đồng ký mới chỉ đạt 45,7% so với chỉ tiêu theo kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Bảng 1: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2018 (Đồng)	Tăng giảm so với 2017 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	447.398.465.028	588.897.841.175	31,63
2	Doanh thu thuần	130.818.234.059	403.989.453.488	208,82
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(326.003.298)	5.957.220.081	1.927,35
4	Lợi nhuận khác	755.793.679	50.746.969	(93,29)
5	Lợi nhuận trước thuế	429.790.381	6.007.967.050	1.297,88
6	Lợi nhuận sau thuế	111.823.848	4.620.853.476	4.032,26
7	Tỷ lệ cổ tức (%) / mệnh giá cổ phần	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

Bảng 2: Số lượng hợp đồng ký trong năm 2018
ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	E		P.C		Cộng	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Hợp nhất	134	49.894	64	604.804	198	654.697
	Chuyên tiếp	37	20.010	10	550.098	47	570.108
	Kỳ năm 2018	97	29.884	54	54.706	151	84.589
1	Công ty mẹ	76	43.787	8	550.805	84	594.592
	Chuyên tiếp	37	20.010	3	548.250	40	568.260
	Kỳ năm 2018	39	23.777	5	2.555	44	26.332
2	Công ty con	58	6.107	56	53.999	114	60.105
	Chuyên tiếp	-	-	7	1.848	7	1.848
	Kỳ năm 2018	58	6.107	49	52.151	107	58.257

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2019)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban giám đốc và lý lịch các thành viên

❖ Danh sách thành viên Ban Giám đốc

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Giám đốc	Ông Nguyễn Công Thắng
2	Phó Giám đốc	Ông Văn Đức Thắng
3	Phó Giám đốc	Bà Nguyễn Hồng Hạnh

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên : **Nguyễn Công Thắng**
Số CMND : 011637754 ngày cấp: 28/10/2004 tại: Công an Hà Nội
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 26/04/1974
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : TP Thái Bình- tỉnh Thái Bình
Địa chỉ thường trú : Số 3, ngõ 63, đường Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Chỗ ở hiện tại : Số 23.03 nhà Central 3 khu Vinhomes Central Park, phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Máy và TBCN Hóa chất – Dầu khí

Quá trình công tác

Thời gian
Quá trình công tác

- Từ năm 1996 đến tháng 4/1999 : Nhân viên Phòng Thiết kế công nghệ CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 5/1999 đến tháng 3/2006 : Trưởng phòng kinh tế nghiệp vụ CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
- Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/2008 : Trưởng phòng cung ứng CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
- Từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2009 : Phó Giám đốc CN CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 8/2009 đến tháng 3/2012 : Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 : Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 02/2012 đến tháng 03/2012 : Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Quản lý thông tin & đấu thầu Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Máy và Thiết bị công nghiệp Hóa chất Việt Nam (VMEC)
- Tháng 5/2014 : Từ nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị VMEC.
- Từ tháng 4/2012 đến tháng 01/2015 : Giám đốc Chi nhánh CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 01/2015 đến tháng 2/2018 : Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 03/2018 đến 04/2018 : Thành viên HĐQT, Giám đốc kiêm Trưởng phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 04/2018 đến nay : Giám đốc kiêm Trưởng phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất t
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Giám đốc kiêm Trưởng phòng Phát triển hệ thống và Nguồn nhân lực CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không.
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu – chiếm 0,02% vốn điều lệ.
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không



Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Hưởng lương theo Quy chế Lương.
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : **Văn Đức Thắng**
 Số CMND : 011076611. Ngày cấp: 23/10/2001 tại Công an Hà Nội.
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 23/3/1964
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán : Hải Phú – Hải Lăng – Quảng Trị
 Địa chỉ thường trú : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
 Chỗ ở hiện tại : Số 18,B20 Hoàng Ngọc Phách-Đống Đa-Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 10/10
 Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Quá trình công tác

Thời gian

Từ tháng 6/1987 đến tháng 6/2002
 Từ tháng 7/2002 đến tháng 3/2006
 Từ tháng 4/2006 đến tháng 10/2008
 Từ tháng 11/2008 đến nay
 Từ tháng 11/2015 đến 02/2018
 Từ tháng 11/2015 đến 02/2018
 Chức vụ công tác hiện nay
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Quá trình công tác

Nhân viên Phòng Thiết kế xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
 Phó phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
 Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
 Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
 Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất;
 Chủ tịch HĐQT công ty CP CECO Hà Nội
 Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế Tổng hợp thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất;
 Chủ tịch HĐQT công ty CP CECO Hà Nội
 Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Thiết kế Tổng hợp thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
 Chủ tịch HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội

Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ.
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu
– Chiếm 0% VDL

Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT Công ty CP CECO Hà Nội: 2.000.000 VNĐ/tháng.
Hưởng lương theo quy chế.

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

Họ và tên : **Nguyễn Hồng Hạnh**

Số hộ chiếu : B3429729 cấp ngày 04/09/2009 tại Cục XNC Việt Nam

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 28/01/1976

Quốc tịch : Việt Nam

Quê quán : Thái Nguyên

Hộ khẩu thường trú : P.516A, nhà C5, Khu tập thể Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại : A1103, Chung cư Mulberry Lane, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế hóa chất

Quá trình công tác

Thời gian

Quá trình công tác

Từ tháng 6/1997 đến tháng 8/2009 : Kỹ sư - Phòng Thiết kế Công nghệ Lắp đặt thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

Từ tháng 8/2009 đến tháng 7/2011 : Phó trưởng phòng – Phòng Quản lý thông tin và Đấu thầu thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

- Từ tháng 7/2011 đến tháng 12/2011 : Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 01/2012 đến tháng 10/2013 : Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 11/2013 đến tháng 7/2014 : Phó trưởng phòng - Phòng Dự án DAP2 thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ tháng 7/2014 đến tháng 03/2014 : Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 04/2014 đến tháng 04/2016 : Trưởng phòng - Phòng Kế hoạch Kinh doanh thuộc Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
- Từ tháng 05/2016 đến 02/2018 : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Từ tháng 03/2018 đến nay : Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không.
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ.
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
- Số cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Hưởng lương theo quy chế.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.2. Kế toán trưởng

Họ và tên	: Đình Đức Bộ
Số CMND	: 034062000580 ngày cấp: 24/11/2014 tại: Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 20/07/1962
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Việt Hùng, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
Hộ khẩu thường trú	: P.502b-TT Viện TKCNHC, Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	Số 9, ngõ 1M Trần Quang Diệu, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân vật giá.
Quá trình công tác	
Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1987 đến tháng 10/1995	: Phụ trách kế toán tại xí nghiệp sản xuất hóa chất trực thuộc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất (CECO).
Từ tháng 11/1995 đến 2000	: Nhân viên kế toán tại phòng Tài chính Kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất .
Từ 2001 đến tháng 3/2006	: Phó trưởng phòng tài chính kế toán CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 4/2006 đến tháng 3/ 2011	: Kế toán trưởng CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 4/2011 đến 02/2018	: Kế toán trưởng, Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 3/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: TV HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Trưởng BKS VMEC Chủ tịch HĐQT CECOs.
Số lượng cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phiếu – chiếm 0,02% vốn điều lệ. : – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao TV HĐQT CECO: 5.000.000 VNĐ/tháng, lương theo quy chế
Thù lao Trưởng BKS VMEC: 1.500.000 VNĐ/tháng.
Thù lao Chủ tịch HĐQT CECOs: 2.000.000 VNĐ/tháng
Hưởng lương theo quy chế.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

2.3. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ngày 27/02/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Công Thắng – Phó giám đốc công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kể từ ngày 01/03/2018 thay cho ông Nguyễn Mạnh Hùng.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Bảng 4: Số lượng cán bộ, nhân viên

TT	Nội dung	Số người
1	Trình độ đại học trở lên	141
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp, sơ cấp	5
3	Công nhân kỹ thuật	8
Tổng cộng		154

(Nguồn: Danh sách lao động tại thời điểm 31/12/2018)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các công ty con:

Bảng 5: Các công ty con, công ty liên kết của công ty

STT	Công ty con	Lợi ích và quyền biểu quyết của công ty	
		Năm 2017	Năm 2018
1	Công ty cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp hóa chất Việt Nam	55,33%	55,33%
2	Công ty cổ phần CECO Hà Nội	36,4%	36,4%
3	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất	51 %	51 %
4	Công ty TNHH quản lý dự án hóa chất	100 %	Đã giải thể
5	Trung tâm phát triển công nghệ CECO	100 %	100 %
6	Công ty Cổ phần Công nghiệp hóa chất Tây Ninh	1,4%	1,4%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2018)

4. Tình hình tài chính
a) Tình hình tài chính
Bảng 6: Tình hình tài chính

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2017 (Đồng)	Năm 2018 (Đồng)	Tăng giảm so với 2017 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	447.398.465.028	588.897.841.175	31,63
2	Doanh thu thuần	130.818.234.059	403.989.453.488	208,82
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(326.003.298)	5.957.220.081	1.927,35
4	Lợi nhuận khác	755.793.679	50.746.969	(93,29)
5	Lợi nhuận trước thuế	429.790.381	6.007.967.050	1.297,88
6	Lợi nhuận sau thuế	111.823.848	4.620.853.476	4.032,26
7	Tỷ lệ cổ tức (%)/ mệnh giá cổ phần	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2018)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:
Bảng 7: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>ISLD Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,19	1,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (<i>ISLD- Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	0,68	0,76	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	78,75	83,15	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	370,66	493,40	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,29	0,69	
+ Vòng quay hàng tồn kho: (<i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>)	Lần	0,63	1,97	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,09	1,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,12	4,66	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,03	0,78	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-0,25	1,47	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2018 của CECO)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.977.036 cổ phần.
- Cổ phiếu tự do chuyên nhượng: 5.977.036 cổ phần.
- Cổ phiếu hạn chế chuyên nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước (Tập đoàn Hóa chất VN)	01	1.787.492	29,91%
2	Cổ đông tổ chức			
2.1	Tổ chức trong nước (không tính Tập đoàn Hóa chất VN)	03	1.505.683	25,19%
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0	0%
3	Cổ đông cá nhân			
3.1	Cá nhân trong nước	113	2.683.761	44,90%
3.2	Cá nhân nước ngoài	01	100	0,002%
Tổng cộng		182	5.977.036	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 25/03/2019)

- Thông tin chi tiết cổ đông lớn

Bảng 9: Cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Số 1A Tráng Tiên, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100100061	1.787.492	29,91%
2	Dương Thị Huyền Quyên	33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	017389681	1.011.626	16,92%
3	Đông Thị Thắm	Chung cư HH1B Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	060845279	798.712	13,36%
4	Nguyễn Thủy Nguyên	33 Phan Chu Trinh Hoàn Kiếm Hà Nội	001058007111	570.883	9,55%
5	Công ty TNHH Liên hợp xây dựng Vạn Cường	Nhà số 1, khu ga Đô Xá, Xã Minh Cường, Huyện Thường Tín, Hà Nội	0500297165	1.485.882	24,86%
Tổng cộng				5.977.036	94,6%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD chốt tại thời điểm ngày 25/03/2019)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 10: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	TH năm 2017	KH năm 2018	TH năm 2018	ĐVT: Triệu đồng	
				Tỷ lệ % TH/KH 2018	Tỷ lệ % TH 2018/2017
Tổng doanh thu	130.849	455.000	406.657	89,4%	310,8%
Lợi nhuận trước thuế	430		6008		1397,2%
Thuế TNDN	318		1387		436,2%
Lợi nhuận sau thuế	112	10.000	4.621	46,2%	4125,9%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019)

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng 11: Tình hình tài sản

TT	Nội dung	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Năm 2018 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%) (Tăng, giảm)
1	Tổng tài sản	447.398.465.028	588.897.841.175	31,63%
2	Tài sản ngắn hạn	418.554.972.341	562.580.512.647	34,41%
3	Phải thu ngắn hạn	158.995.376.720	301.567.051.038	89,67%
4	Tài sản dài hạn	28.843.492.687	26.317.328.528	-8,76%
5	Phải thu dài hạn	56.535.053	52.842.865	-6,53%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

b) Tình hình nợ phải trả

Bảng 12: Nợ phải trả

TT	Nội dung	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Năm 2018 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%) (Tăng, giảm)
1	I. Nợ ngắn hạn	352.109.900.559	489.598.217.663	39,05%
1	Vay và nợ ngắn hạn	24.666.545.337	109.831.694.360	345,27%
2	Phải trả người bán	47.205.295.610	33.107.393.440	-29,87%

TT	Nội dung	Năm 2017 (ĐVT: đồng)	Năm 2018 (ĐVT: đồng)	Thay đổi 2018 so với 2017 (%) (Tăng, giảm)
3	Người mua trả tiền trước	251.794.159.804	213.144.482.439	-15,35%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.313.654.739	10.398.996.972	213,82%
5	Phải trả người lao động	3.615.715.752	2.355.892.988	-34,84%
6	Chi phí phải trả	20.110.100.601	119.830.283.907	495,87%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	823.702.841	673.828.870	-18,20%
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	580.725.875	255.644.687	-55,98%
II	II. Nợ dài hạn	231.100.000	57.760.000	-75,01%
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	
2	Vay dài hạn	231.100.000	57.760.000	-75,01%
3	Quỹ dự phòng phải trả dài hạn	-	-	
4	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	
III	Tổng Nợ phải trả	352.341.000.559	489.655.977.663	38,97%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị nhiệm đã có quyết định sắp xếp lại tổ chức bộ máy, cán bộ như sau:

- Thành lập:

- + Phòng Hành chính tổng hợp;
- + Phòng Kế hoạch và Thị trường;
- + Phòng Phát triển hệ thống và nguồn nhân lực;
- + Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư;
- + Trung tâm Quản lý dự án và Điều độ sản xuất
- + Trung tâm thiết kế tổng hợp;
- + Trung tâm Kỹ thuật Môi trường

- Quyết định bổ nhiệm cán bộ điều hành: 07 trưởng phòng, 18 phó phòng, 02 phó giám đốc chi nhánh.

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.

- Sắp xếp, bố trí lại lao động của khối gián tiếp cho phù hợp nhằm giảm biên lao động khối gián tiếp phù hợp với cơ cấu lao động.

- Điều động nhân sự khôi phục tiếp phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

- Bố trí nhân lực hợp lý nhằm đảm bảo công tác an sinh, xã hội.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2019 sẽ hoàn thành theo tiến độ như sau:

Bảng 13: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Triệu VNĐ	Ghi chú
A	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	385.000	Hợp nhất
1	Doanh thu tư vấn thiết kế	35.500	Công ty mẹ
2	Doanh thu mua sắm, thi công	276.400	Công ty mẹ
3	Doanh thu do Công ty con thực hiện	69.000	
4	Doanh thu khác	4.100	Công ty mẹ
B	Lợi nhuận sau thuế	8.500	Hợp nhất
C	Đầu tư xây dựng	880	Công ty mẹ

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác năm 2018 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2019)

4.2 Marketing và hợp tác phát triển

Đẩy mạnh công tác khai thác thị trường, tham gia dự thầu, chào hàng, tiếp cận với các Chủ đầu tư để nhanh chóng thương thảo ký kết hợp đồng đối với các công trình dự kiến khai thác trong năm 2019.

Tiếp tục cập nhật các cơ sở dữ liệu phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;

Duy trì quảng bá thương hiệu cả bên trong (nội bộ Công ty) và bên ngoài (đối với Khách hàng), xây dựng văn hóa công ty.

Mở rộng quảng bá thương hiệu, xây dựng hình ảnh công ty, lập kế hoạch chăm sóc khách hàng, tập trung vào các khách hàng ngoài ngành.

Tích cực hợp tác phát triển với các đối tác trong và ngoài nước đặc biệt là các đơn vị khoa học kỹ thuật trong nước, nhà cung cấp công nghệ nước ngoài, các nhà thầu EPC lớn trong khu vực để cùng tham gia thực hiện các dự án lớn trong và ngoài ngành.

4.3 Nhân lực

- Sắp xếp, tái cấu trúc, điều động nhân sự phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty theo từng thời điểm.

- Thiết lập cơ cấu tổ chức điều hành để duy trì và triển khai Hệ thống quản lý tích hợp mà công ty đã được đánh giá tái chứng nhận trong năm 2018.

- Duy trì và phát triển nguồn nhân lực chủ chốt và nguồn lực chuyên môn nghiệp vụ.

- Lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2019, trong đó chú trọng phương án

giữ chân người lao động có chuyên môn nghiệp vụ yên tâm làm việc lâu dài tại Công ty.

- Lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo năm 2019.

4.4 Tài chính

- Làm việc với ngân hàng về việc cấp giới hạn tín dụng cho Công ty năm 2019.
- Cân đối đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và các khoản chi thường xuyên tại Công ty.
- Hoàn thiện các công việc có liên quan đến việc tổ chức Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
- Lập kế hoạch tài chính năm 2019

4.5 Quản lý khoa học kỹ thuật, chất lượng

a) Công tác quản lý khoa học

- Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2018: Bảo vệ Đề tài tại đơn vị quản lý (Bộ Công Thương)
- Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2019: Ký hợp đồng thực hiện 01 Đề tài;
- Đề tài NCKH Cấp Bộ năm 2020: Bảo vệ đề xuất 04 Đề tài tại đơn vị Quản lý (Bộ Công Thương)

b) Công tác quản lý chất lượng

- Tiếp tục rà soát, cập nhật và xây dựng bổ sung văn bản HTQLTH và toàn bộ văn bản quản trị Công ty;
- Hoàn thiện Quy trình Thiết kế và kiểm soát thiết kế theo phương án đã thống nhất;
- Tổ chức Họp Xem xét của lãnh đạo về HTQLTH lần 1 năm 2018 để đưa ra kết luận cho việc cung cấp nguồn lực và cải tiến HTQLTH;
- Tham gia chương trình Đánh giá định kỳ HTQLTH lần thứ 1 do GICVN thực hiện;
- Hoàn thành đáp ứng tổ chức và thực hiện chương trình Đánh giá giám sát định kỳ HTQLTH lần thứ 1 cho niên hạn chứng chỉ (2017-2020) do GICVN thực hiện trong tháng 10/2018.
- Duy trì theo dõi, tham gia công tác QA cho dự án NPK Cà Mau theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.
- Hỗ trợ công tác chuyên môn cho bộ môn Thiết kế Thiết bị của Công ty theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty.
- Nghiên cứu, thiết lập nhiệm vụ tương ứng bổ sung cho từng bậc kỹ sư trong đó tập trung vào nhiệm vụ và trách nhiệm đào tạo của kỹ sư bậc cao tại đơn vị.
- Tổ chức đánh giá nội bộ HTQLTH lần 2 vào tháng 12/2018.
- Phối hợp với Ban 5S để thực hiện tốt thường xuyên công tác 5S tại Phòng;
- Ban hành danh mục các loại lỗi trong các quá trình hoạt động của Công ty;
- Dự thảo các Mục tiêu CL, MT, AT&SKNN năm 2019 của Công ty;

4.6. Pháp chế và kiểm tra, đánh giá, thanh tra nội bộ

a) Công tác pháp chế

- Hoàn thành Hướng dẫn đánh giá chất lượng công tác cá nhân và bộ phận; Quy định tổ chức các cuộc họp;
- Hoàn thành việc xây dựng các bản mô tả công việc khối nghiệp vụ;
- Tư vấn các vấn đề pháp lý cho các dự án đang triển khai của Công ty;
- Tham gia đấu tranh pháp lý tại Trọng tài cho Dự án EPC Muối Lào;
- Hỗ trợ các vấn đề pháp lý cho các hợp đồng thẩm tra và hỗ trợ kỹ thuật thuộc dự án Long Sơn.
- Công bố thông tin theo quy định;
- Hoàn thành việc bổ sung năng lực hoạt động “Tư vấn quản lý dự án” hạng 1 cho Công ty;
- Hoàn thành việc nộp hồ sơ xin cấp chứng chỉ năng lực hoạt động về dân dụng hạng 2 tại Sở Xây dựng HN.

4.7 Tin học, Thư viện

- Đề xuất nâng cấp giao diện và nội dung Trang web Công ty;
- Đề xuất trang bị 01 máy chủ dự phòng và tăng dung lượng ổ cứng lưu trữ;
- Đề xuất trang bị phần mềm bảo vệ hệ thống và diệt virus cho máy chủ và máy trạm SYMANTEC (150 máy trạm & 03 máy chủ license 1 năm);
- Đề xuất trang bị 01 bản quyền phần mềm Microsoft Office;
- Hoàn thiện modul báo cáo tuần trên Weboffice;
- Hoàn thiện sơ đồ chỉ dẫn các phòng ban;
- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng hệ thống ERP (Quản trị doanh nghiệp);
- Duy trì tốt công tác truyền thông nội bộ, đảm bảo cập nhật thông tin thường xuyên và hàng ngày liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt đoàn thể và các mặt có liên quan khác.
- Duy trì và cập nhật kịp thời các văn bản pháp quy nhà nước và của địa phương liên quan đến mọi mặt tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Tổ chức thiết kế, đầu tư cải tạo thư viện Công ty và hoàn thiện bố trí phòng lưu trữ tạm thời (trung chuyển) của Công ty.
- Cải tiến công tác quản lý Thư viện và Lưu trữ.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã khẩn trương triển khai các công việc nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch SXKD và các công việc quản trị công ty năm 2018, cụ thể như:

- Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành đã tổ chức thành công Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 tại Hà Nội vào ngày 21/4/2018; Hội nghị người lao động năm



2018.

- Đẩy mạnh công việc nghiệm thu, thanh quyết toán các hợp đồng EPC lớn thuộc dự án: ĐTXD Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 tại Tầng Lông, Lào Cai; xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến việc khởi kiện của Dự án Muối Lào và các biện pháp chống thu bảo lãnh tiền tạm ứng của dự án, tổ chức triển khai hợp đồng EPC dự án NPK Cà Mau và các công việc tư vấn khác.

- Hoàn thành lập Báo cáo tài chính năm 2018 và thực hiện kiểm toán theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính tổng hợp các quý, 6 tháng, năm.

- Việc công bố thông tin đã thực hiện kịp thời, đúng quy định pháp luật.

Để thực hiện nghị quyết Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2018 và các quyết định của HĐQT. HĐQT đã chỉ đạo, đôn đốc Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành của Công ty, nổi bật là các nội dung sau:

- Tổ chức sơ kết, đánh giá hoạt động SXKD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm; Lập kế hoạch SXKD hàng quý trình HĐQT, BKS theo Điều lệ quy định.

- Cải tiến công tác kế toán quản trị, dự báo tài chính và quản lý chi phí như việc lập kế hoạch dòng tiền, phân tích và đưa ra dự báo các chỉ số tài chính, các khuyến cáo đề GDCT nắm bắt và xử lý kịp thời.

- Đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án và đốc thu các hợp đồng.

- Không chể chi phí quản lý chung bằng các biện pháp thực hành tiết kiệm, kiểm soát chặt chi phí sửa chữa, mua sắm. Giao bộ phận kế toán - tài chính cập nhật chi phí hàng tháng để Giám đốc Công ty có các biện pháp cắt giảm chi phí.

- Tái cấu trúc lao động trong đó tinh giản bộ máy gián tiếp, nâng cao năng suất lao động, ngăn chặn tình trạng chây ỳ tại bộ phận sản xuất.

- Bám sát mục tiêu SXKD đề ra để điều độ, đánh giá và quyết định kịp thời tại các cuộc họp giao ban tháng, quý.

Đứng trước nguy cơ không hoàn thành về kế hoạch doanh thu, sản lượng và lợi nhuận năm 2018, HĐQT thể hiện quan điểm quan ngại sâu sắc về công tác điều hành sản xuất, tiếp thị và quản trị nội bộ của Công ty, đồng thời yêu cầu Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý điều hành cần nỗ lực vượt bậc trong quý IV năm 2018, đổi mới cung cách quản lý điều hành, đặc biệt tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất và công việc đầu thầu. Bên cạnh đó, về phía người lao động HĐQT cũng kêu gọi toàn thể người lao động Công ty tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, chủ động kịp thời để đạt ý kiến tháo gỡ các khó khăn vướng mắc với lãnh đạo để nâng cao năng suất, hiệu quả trong công việc

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Công tác cổ đông, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo Luật Doanh nghiệp

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến Công ty đại chúng, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin kịp thời;

- Thực hiện chức năng giám sát tài sản và vốn Công ty;

- Phối hợp hoạt động với Đảng ủy, Công đoàn, Ban kiểm soát và GDCT.
- Xây dựng đề án tái cấu trúc công ty về mặt lao động và bộ máy.
- Xây dựng quy chế, xây dựng bộ máy và lãnh đạo công tác phát triển nguồn nhân lực
 - Lãnh đạo công tác xây dựng quy chế, quy định nội bộ:
 - + Các Quy chế, quy trình, quy định, hướng dẫn đã được xây dựng, ban hành áp dụng.
 - + Các Quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn đang trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện: Quy trình thiết kế, Các tiêu chí phân loại kỹ sư, Quy chế trả lương, Quy chế hoa hồng môi giới, tiếp thị...
 - Chỉ đạo chặt chẽ công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng - đào tạo, cụ thể:
 - + Thành lập
 - + Phòng Hành chính tổng hợp;
 - + Phòng Kế hoạch và Thị trường;
 - + Phòng Phát triển hệ thống và nguồn nhân lực;
 - + Trung tâm Thiết kế Công nghệ và Tư vấn đầu tư;
 - + Trung tâm Quản lý dự án và Điều độ sản xuất
 - + Trung tâm thiết kế tổng hợp;
 - + Trung tâm Kỹ thuật Môi trường
 - + Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý: 07 trưởng phòng, 18 phó phòng, 02 phó giám đốc chi nhánh.
 - + Tuyển dụng được 23 kỹ sư mới.
- Lãnh đạo công tác nghiên cứu khoa học, đầu tư và xây dựng tài sản tri thức
 - Nghiên cứu khoa học: Hoàn thành quyết toán 02 đề tài cấp Bộ .
- Lãnh đạo, kiểm soát và tham gia điều hành sản xuất kinh doanh, kiểm soát tài sản:
 - nỗ lực thực hiện tốt vai trò chỉ đạo sản xuất kinh doanh năm 2018;
 - Chủ động đảm bảo tài chính để thực hiện các công việc;
 - Trực tiếp chỉ đạo các dự án lớn là nghiệm thu, thanh quyết toán dự án DAP2, Xử lý các công việc liên quan đến tranh chấp dự án Muối Lào; lập kế hoạch và tổ chức triển khai dự án NPK Cà Mau.
- Đối chiếu với các mục tiêu chính của năm 2018, HĐQT đánh giá như sau:
 - Công tác cổ đông: Đáp ứng yêu cầu thông tin tới cổ đông nhưng cổ tức chưa đạt theo yêu cầu của cổ đông.
 - Chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh: Khá.
 - Xây dựng thương hiệu, văn hóa Công ty: Khá.
 - Công tác tiếp thị: Khá.

- Xây dựng quy chế và kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác: Khá.
- Công tác tái cấu trúc Công ty và chi nhánh: Tốt.
- Công tác nghiên cứu khoa học: Tốt.
- Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: Khá.
- Đánh giá hoạt động của Giám đốc Công ty
 - Về quản trị doanh nghiệp, sử dụng vốn: Tốt.
 - Về quản trị sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh: Khá.
 - Về công tác điều hành hoạt động tại trụ sở chính và chi nhánh: Tốt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Mục tiêu chính:
 - Hoàn thành kế hoạch SXKD do ĐHĐCĐ giao.
 - Tăng cường tối đa các nguồn thu có thể như cho thuê mặt bằng, thu nhập từ hoạt động tài chính; không chế chi phí để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận.
 - Phát triển nguồn nhân lực và chăm sóc nhân viên.
 - Tiếp tục đề án tái cơ cấu về mặt tổ chức và lao động.
- Dự kiến chương trình hoạt động của HĐQT năm 2019
 - Tháng 2: Triển khai công tác đầu năm; Thông qua kế hoạch tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019; Chỉ đạo ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch trình ĐHĐCĐ; đơn đốc công tác quyết toán và lập Báo cáo tài chính; Chỉ đạo công tác tổng kết năm.
 - Tháng 4: Xem xét BCTC năm 2018 và kết quả kiểm toán; Thông qua các văn bản trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018; Chỉ đạo người đại diện phần vốn tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2019 tại các công ty con; xem xét kết quả hoạt động quý I và kế hoạch triển khai quý II.
 - Tháng 6,7: Triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ; xem xét kết quả hoạt động quý II và kế hoạch triển khai quý III; đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn tại các công ty con và đơn vị thành viên; Kiểm tra công tác tiếp thị
 - Tháng 9: Xem xét kết quả hoạt động quý III và kế hoạch triển khai quý IV; các biện pháp bảo đảm vốn và đầu tư; Thảo luận các biện pháp tăng cường tài chính, đơn đốc doanh thu.
 - Tháng 11, 12: Các biện pháp bảo đảm doanh thu, lợi nhuận. Rà soát hoạt động của HĐQT, BKS trong năm và chương trình hoạt động năm sau; Tổng kết công tác quản trị Công ty.
- Trọng tâm hoạt động:
 - Kiểm soát sát sao công tác sản xuất kinh doanh và quản trị công ty.
 - Kiểm soát, bảo toàn vốn tại các công ty con, công ty liên kết.
 - Kiểm toán nội bộ năm 2019.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ để hạn chế tình trạng thất thoát nguồn nhân lực, song song với tinh giản bộ máy gián tiếp.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

❖ Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Bảng 14: Danh sách thành viên HĐQT

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Chủ tịch HĐQT	Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2	Thành viên HĐQT	Ông Đỗ Hiên Ngang
3	Thành viên HĐQT	Ông Đinh Đức Bộ
4	Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Thủy Nguyên

❖ **Lý lịch thành viên:**

Họ và tên	: Nguyễn Mạnh Hùng
Số CMND	: 011425292 Ngày cấp: 12/10/2004 Tại: Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 21/01/1961
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phường Cự khối, Quận Long Biên, Hà Nội
Địa chỉ thường trú	: Số 26, Ngách 75, ngõ Thịnh Hào 1, phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
Thời gian	Quá trình công tác
Từ năm 1985 đến tháng 9/2000	: Nhân viên phòng thiết kế xây dựng, CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất.
Từ tháng 10/2000 đến tháng 12/2007	: Phó phòng Thiết kế Xây dựng CTCP Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Từ năm 2008 đến tháng 1/2011	: Công tác tại Ban Đầu tư xây dựng – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 2/2011 đến tháng 6/2011	: Phó Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 7/2011 đến tháng 3/2011	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.



Từ tháng 4/2011 đến tháng 02/2018	: Giám đốc CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất. Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất.
Từ tháng 3/2018 đến tháng 4/2018	: Thành viên HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Từ tháng 4/2018 đến nay	: Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Chủ tịch HĐQT CTCP Thiết kế công nghiệp hóa chất
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không.
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 36.400 cổ phiếu – chiếm 0,61% vốn điều lệ – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 1.787.492 cổ phiếu - Chiếm 29,9% VDL.
Số cổ phần của người có liên quan	: 0 cổ phiếu, chiếm 0% VDL.
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Thù lao HĐQT CECO 5.000.000 VNĐ/tháng, hưởng lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách theo quy chế từ ngày 01/4/2018 (không hưởng thù lao).
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không

Họ và tên	: Đỗ Hiên Ngang
Số CMND	: 024241861. Ngày cấp: 17/12/2007 tại: Công an TP Hồ Chí Minh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 07-02-1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Xã Thụy Phú, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội
Hộ khẩu thường trú	: 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Chỗ ở hiện tại	: 61/36 Bình Giã, Phường 13, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian

Từ 1988 đến tháng 5/1999
 Từ tháng 6/1999 đến tháng 7/2001
 Từ tháng 8/2001 đến tháng 3/2006
 Từ tháng 4/2006 đến tháng 7/2009
 Từ tháng 8/2009 đến tháng 6/2011
 Từ tháng 7/2011 đến tháng 03/2018
 Từ tháng 4/2018 đến nay

Quá trình công tác

Nhân viên Chi nhánh (CN) Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
 Phó Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
 Giám đốc CN Công ty Thiết kế công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh
 Phó Giám đốc công ty kiêm Giám đốc CN CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất tại TP Hồ Chí Minh .
 Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 Chủ tịch HĐQT chuyên trách CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
 Thành viên HĐQT, Giám đốc Dự án tại CTCP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty

: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

: Không

Số cổ phần nắm giữ

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phiếu - chiếm 0,03% vốn điều lệ.
 - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - Chiếm 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần của người có liên quan

: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty

: Không

Các khoản nợ đối với Công ty

: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác

: Thù lao HĐQT CECO 5.000.000 VNĐ/tháng.

Lợi ích liên quan đối với Công ty

: Không

Họ và tên

: **Đình Đức Bộ**

Đã nêu trong phần lý lịch Kế toán trưởng

Họ và tên	: Nguyễn Thủy Nguyên
Số hộ chiếu	: 011691926 cấp ngày 25/07/2007 tại Công an Hà Nội
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 29/03/1958
Quốc tịch	: Việt Nam
Quê quán	:
Hộ khẩu thường trú	: Số 33 phố Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Chỗ ở hiện tại	:
Trình độ văn hóa	: 10/10
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư máy hóa
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Thời gian</i>	<i>Quá trình công tác</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty vận tải Thủy
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 570883 cổ phiếu – chiếm 9,55% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	: Thù lao HĐQT CECO: 5.000.000 VNĐ/tháng.
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.	
❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2018 HĐQT đã tiến hành họp 5 phiên cụ thể:	
1. Phiên III.10, họp ngày 06/02/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:	
- Thông qua chương trình khung và kế hoạch chuẩn bị hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018; Quyết định ngày chốt quyền dự hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.	
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. Giao chỉ tiêu sản xuất kinh	

doanh năm 2018 cho người đại diện phần vốn tại các công ty con.

- Thông qua phương án tái cấu trúc Công ty về mặt tổ chức.
- Xem xét Tờ trình về việc đầu tư thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất của Trung tâm Phát triển công nghệ CECO (CETD).
- Một số vấn đề liên quan đến quản lý, khai thác bất động sản của Công ty.

2. Phiên III.11, họp ngày 05/4/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Thông qua chương trình và các tài liệu Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 (đã kiểm toán)
- Thông qua Quy chế Quản lý tài chính
- Phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị
- Trả lời Người đại diện phần vốn tại các công ty con về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Nghe báo cáo sơ bộ kết quả kinh doanh quý I/2017.
- Phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh năm 2018 (phương án phục vụ công việc vay vốn, bảo lãnh giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) - Chi nhánh Hoàn Kiếm).

3. Phiên III.12, họp ngày 12/7/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Các biện pháp triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Đánh giá kết quả hoạt động quý II của Ban điều hành.
- Nghe báo cáo và xem xét các chỉ tiêu tài chính và sản xuất kinh doanh Quý II năm 2018 và kế hoạch quý III.
- Sửa đổi, bổ sung quy chế lương.

4. Phiên III.13, họp ngày 12/11/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Nghe báo cáo và xem xét các chỉ tiêu tài chính và sản xuất kinh doanh Quý III và kế hoạch quý IV năm 2018; Đánh giá kết quả hoạt động quý III của Ban điều hành.
- Xem xét các Tờ trình của Giám đốc Công ty gồm: Tờ trình về công tác cán bộ; Tờ trình về việc thông qua hợp đồng EPC Dự án Bột giặt Cu Ba; Tờ trình xin ý kiến liên quan đến việc đấu tranh pháp lý Dự án EPC Muối Lào.
- Thảo luận về cơ chế khoán hợp đồng.

5. Phiên III.14, họp ngày 22/12/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:

- Xem xét các vấn đề về công tác tổ chức bộ máy và sắp xếp nhân lực.
- Nghe báo cáo tình hình đấu tranh pháp lý dự án Muối Lào, thực hiện NPK Cà Mau.
- Thảo luận các biện pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh, kế hoạch chi phí các dự án.

2. Ban kiểm soát

- ❖ Danh sách thành viên Ban kiểm soát:



Bảng 15: Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Chức vụ	Họ và tên
1	Trưởng BKS	Bà Trương Thanh Vân
2	Thành viên BKS	Bà Trương Thị Minh Thu
3	Thành viên BKS	Bà Trần Thị Minh Trang

❖ Lý lịch thành viên

Họ và tên : **Trương Thanh Vân**
 Số CMND : 001178003704 cấp ngày 11/9/2015 tại Hà Nội.
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 22/02/1978
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Quê quán :
 Địa chỉ thường trú : Số 26 hẻm 29 ngách 2 ngõ 129 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội
 Chỗ ở hiện tại : Số 26, hẻm 29, ngách 2, ngõ 129 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian

Quá trình công tác

Từ 1999 đến 2017 : Kế toán tại Công ty TNHH Liên hợp xây dựng Vạn Cường
 Từ 2009 đến 2018 : Giảng viên tại Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Trung Ương
 Từ 2015 đến nay : Kế toán tại Công ty TNHH Liên hợp xây dựng Vạn Cường
 Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng BKS chuyên trách.
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó phòng kế toán Công ty TNHH Liên hợp xây dựng Vạn Cường
 Số cổ phần nắm giữ : - Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - chiếm 0% VDL.
 - Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu - chiếm 0% vốn điều lệ
 Số cổ phần của người có liên quan : Không

Quyền lợi mâu thuẫn : Không
với lợi ích Công ty

Các khoản nợ đối với : Không
Công ty

Thù lao và các khoản : Không
lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối : Không
với Công ty

Họ và tên : **Trương Thị Minh Thu**

Số CMND : 013014266, cấp ngày 03/11/2011. Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 24/6/1977

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Đà Nẵng.

Hộ khẩu thường trú : P.109 TT Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, P. Hàng Bột, Q.
Đống Đa, TP Hà Nội

Chỗ ở hiện tại : P.2705 Tòa A Chung cư Mulberry Lane, phường Mỗ Lao, quận
Hà Đông, TP Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán; Cử nhân Luật; Thạc sỹ
Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian

Quá trình công tác

- Từ 11/2000-12/2002 : Nhân viên văn phòng, Trung tâm Thiết bị dạy nghề thuộc Tổng cục Dạy nghề
- Từ 12/2002-11/2003 : Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Việt Vương.
- Từ 11/2005-8/2007 : Nhân viên Phòng Dự án tại Công ty TNHH 3C Công nghiệp.
- Từ 8/2007-3/2013 : Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ 4/2013-10/2013 : Phó Trưởng Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Từ 11/2013-05/2016 : Phó Trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh tại Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.



- Từ 05/2016-04/2017 : Trưởng BKS chuyên trách Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
 - Từ 05/2017-02/2018 : Kiểm soát viên, Phó trưởng Phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
 - Từ 03/2018 đến nay : Kiểm soát viên, Phó trưởng Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Trưởng BKS Công ty CP CECO Hà Nội
- Số cổ phần nắm giữ : – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ
– Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần của người có liên quan : Không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao BKS CECO: 3 triệu VNĐ/Tháng.
Thù lao Trưởng BKS Công ty CP CECO Hà Nội: 1,5 triệu VNĐ/tháng.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : không

- Họ và tên : **Trần Thị Minh Trang**
- Số CMND : 162598971 cấp ngày 09/08/2001 tại Công an Nam Định
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 16/02/1985
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Hộ khẩu thường trú : 11/3/469 Trần Huy Liệu, P. Văn Miếu. TP. Nam Định
- Chỗ ở hiện tại : Số 11, ngách 20, ngõ 1 phố Đại Linh, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác**Thời gian****Quá trình công tác**

Từ 8/2008 tới 12/2008	: Công việc: kế toán lương Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH FASHIONLINE SAIGON Địa chỉ: Số 11, đường số 4, khu công nghiệp Việt Nam – Singapo, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương)
Từ 01/2009 đến 12/ 2009	Công việc: kế toán công nợ nước ngoài Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH YOUNGONE Nam Định Địa chỉ: Khu công nghiệp Hòa Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định
Từ 02/2010 đến tháng 8 năm 2012	Công việc: kế toán tổng hợp/kế toán thuế Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán) Công ty TNHH Long Thành Hưng Yên Địa chỉ: đường Mễ Trì kéo dài, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Từ 10/2012 đến 03/2013	Công việc: kế toán quản trị Đơn vị công tác : (Phòng Kế toán – Tài chính) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2013 đến 11/2014	Công việc: công tác mua sắm/ thư ký dự án Đơn vị công tác : (Phòng quản lý dự án DAP2) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 03/2014 đến 12/2017	Công việc: kiểm toán nội bộ/thư ký lãnh đạo/công tác cổ đông Đơn vị công tác : (Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin) Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
Từ 04/2016 đến 12/2017	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Pháp chế và Quản lý thông tin Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Từ 01/2018 đến nay	Kiểm soát viên, nhân viên Phòng Kế hoạch và Thị trường Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Không.
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: – Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – chiếm 0% vốn điều lệ. – Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phiếu – Chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của người có liên quan	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
Thù lao và các khoản	: Thù lao BKS: 3.000.000 VNĐ/tháng

lợi ích khác

Lợi ích liên quan đối
với Công ty : Không

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã tổ chức 5 cuộc họp, cụ thể:

- *Phiên 9 họp ngày 29/3/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:*

+ Đánh giá, giám sát kết quả SXKD năm 2017 của Công ty và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2018;

+ Đánh giá, giám sát của BKS đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và bộ máy điều hành trong năm 2017.

+ Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS năm 2017 và giữa hai kỳ họp của ĐHĐCĐ thường niên 2017-2018.

+ Lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện BCTC cho năm tài chính 2018.

+ Thông qua toàn văn dự thảo Báo cáo của BKS trình Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018.

- *Phiên 10 họp ngày 27/4/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:*

+ Thông báo về kết quả Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

+ Bầu thay thế Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ III.

+ Thông qua Chương trình làm việc của Ban Kiểm soát năm 2018 và giữa 2 kỳ Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2018-2019.

+ Đánh giá, giám sát của BKS về kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty Quý I và triển khai nhiệm vụ Quý II năm 2018.

- *Phiên 11 họp ngày 29/8/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:*

+ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2018 và giải pháp thực hiện SXKD 6 tháng cuối năm 2018;

+ Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm 2018.

- *Phiên 12 họp ngày 26/10/2018 đã thảo luận và thống nhất các nội dung:*

+ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty 9 tháng đầu năm 2018 và giải pháp thực hiện SXKD quý IV năm 2018;

+ Xem xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 9 tháng đầu năm 2018;

+ Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành về thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Kiểm điểm hoạt động của BKS 9 tháng đầu năm 2018.

- **Đánh giá các phiên họp của BKS**

+ Các phiên họp của BKS được tổ chức theo đúng trình tự Điều lệ Công ty và pháp luật, có đầy đủ các thành viên BKS tham dự. Trưởng BKS chủ trì cuộc họp, Thư ký Công ty là thư ký cuộc họp đã thực hiện ghi chép và lập biên bản cuộc họp.

+ Tùy theo nội dung và tính chất cuộc họp, BKS đã mời một số cán bộ quản lý của Công ty tham dự như Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế hoạch Thị trường,... Các thành viên BKS đã chất vấn đại biểu và nhận được các ý kiến trả lời, làm rõ các nội dung được chất vấn.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- **Lương:**

+ Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm nhiệm vụ chuyên trách, Ban Giám đốc hưởng lương theo Quy chế Lương của Công ty. Hệ số để tính lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách bằng Giám đốc Công ty, của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách tương đương Phó giám đốc Công ty.

+ Các thành viên HĐQT không hưởng lương, chỉ có thù lao. Trường hợp kiêm nhiệm công tác điều hành thì được hưởng lương theo vị trí điều hành.

+ Các kiểm soát viên không hưởng lương, chỉ có thù lao.

- **Thưởng:** Năm 2018 do tình hình sản xuất kinh doanh khó khăn, không hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHĐCĐ giao nên HĐQT không đề xuất chi thưởng cho HĐQT và ban điều hành.

- **Thù lao:** Các thành viên trong HĐQT, BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, cụ thể:

Bảng 16: Thù lao HĐQT, BKS năm 2018

Nội dung	Thù lao/tháng	Năm 2018 (VNĐ)
I. Mức thù lao của HĐQT		
1. Chủ tịch HĐQT	Không	Không
2. Thành viên HĐQT (3 thành viên)	5.000.000 đồng/tháng	180.000.000 đồng
II. Mức thù lao của BKS		
1. Trưởng BKS	Không	Không
2. Thành viên BKS (2 thành viên)	3.000.000 đồng/tháng	72.000.000 đồng
Tổng cộng mức thù lao trả/năm		252.000.000 đồng

b) *Giao dịch của cổ đông nội bộ:*

Bảng 17: Giao dịch của cổ đông nội bộ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKDN)	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hiền Ngang	Chủ tịch (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên (Đến ngày 31/03/2018)
Ông Đỗ Hiền Ngang	Ủy viên (Từ ngày 01/04/2018)
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Thắng	Ủy viên (Từ nhiệm từ ngày 01/05/2018)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Dịu	Trưởng ban (Đến ngày 30/04/2018)
Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban (Từ ngày 01/05/2018)
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc (Đến hết tháng 02/2018)
Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2018)
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 17-02-389-HN vào ngày 28 tháng 03 năm 2018 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2999-2019-137-1

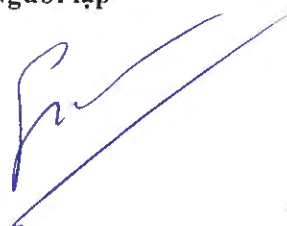
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		562.580.512.647	418.554.972.341
I- Tiền	110	5.1	72.162.473.810	82.137.132.695
1. Tiền	111		54.139.150.336	32.137.132.695
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.023.323.474	50.000.000.000
III- Các khoản phải thu	130		301.567.051.038	158.995.376.720
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	83.419.765.964	126.426.744.098
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	62.769.463.416	22.926.124.137
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	5.4	141.692.399.477	1.900.083.748
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	15.491.778.735	9.548.781.291
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
IV- Hàng tồn kho	140		188.792.033.050	177.288.174.975
1. Hàng tồn kho	141	5.7	188.911.489.199	177.407.631.124
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(119.456.149)	(119.456.149)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		58.954.749	134.287.951
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.8	56.254.749	134.287.951
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.8	2.700.000	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		26.317.328.528	28.843.492.687
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		52.842.865	56.535.053
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	52.842.865	56.535.053
II- Tài sản cố định	220		18.189.082.422	20.222.900.901
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.069.020.575	17.564.202.638
- Nguyên giá	222		43.642.943.790	41.874.855.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.573.923.215)	(24.310.652.933)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	2.120.061.847	2.658.698.263
- Nguyên giá	228		6.074.916.400	6.074.916.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.954.854.553)	(3.416.218.137)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240		2.015.171.232	2.388.459.873
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	2.015.171.232	2.388.459.873
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	4.831.869.296	4.819.767.482
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.193.869.296	3.181.767.482
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.228.362.713	1.355.829.378
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	1.228.362.713	1.355.829.378
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		588.897.841.175	447.398.465.028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		489.655.977.663	352.341.000.559
I- Nợ ngắn hạn	310		489.598.217.663	352.109.900.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	33.107.393.440	47.205.295.610
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	213.144.482.439	251.794.159.804
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.16	10.398.996.972	3.313.654.739
4. Phải trả người lao động	314		2.355.892.988	3.615.715.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	119.830.283.907	20.110.100.601
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	673.828.870	823.702.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	109.831.694.360	24.666.545.337
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		255.644.687	580.725.875
II- Nợ dài hạn	330		57.760.000	231.100.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	57.760.000	231.100.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		99.241.863.512	95.057.464.469
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	99.026.833.512	94.862.423.469
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.536.882.376	18.526.140.287
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.720.352.601	2.456.636.174
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.393.035.934	2.934.423.996
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.327.316.666	(477.787.822)
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	13.999.238.535	14.109.287.008
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.20	215.030.000	195.041.000
1. Nguồn kinh phí	431		215.030.000	195.041.000
TỔNG NGUỒN VỐN (450 = 300+400)	440		588.897.841.175	447.398.465.028

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019
 Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

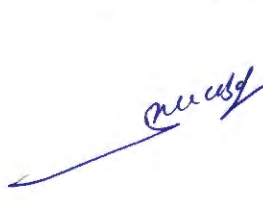
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	404.037.368.604	130.848.779.559
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	47.915.116	30.545.500
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	403.989.453.488	130.818.234.059
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	372.935.114.377	110.968.508.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		31.054.339.111	19.849.725.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	2.668.223.791	3.240.466.760
7. Chi phí tài chính	22	5.25	2.226.506.849	1.663.464.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>2.166.508.892</i>	<i>1.392.100.603</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		12.101.814	88.856.485
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	25.550.937.786	21.841.587.399
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		5.957.220.081	(326.003.298)
12. Thu nhập khác	31	5.27	925.960.771	1.307.719.565
13. Chi phí khác	32	5.27	875.213.802	551.925.886
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		50.746.969	755.793.679
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		6.007.967.050	429.790.381
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	1.387.113.574	317.966.533
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		4.620.853.476	111.823.848
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.327.316.666	(477.787.822)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		293.536.810	589.611.670
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	724	(80)

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019
 Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

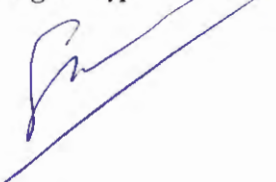
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.007.967.050	429.790.381
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.310.516.930	5.362.514.862
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(175.320.800)	(425.906.311)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.513.793.012)	(2.858.834.200)
- Chi phí lãi vay	06		2.166.508.892	1.392.100.603
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.795.879.060	3.899.665.335
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(153.171.017.705)	(31.247.770.838)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.503.858.075)	(66.916.662.559)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		60.206.888.618	76.532.027.910
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		127.466.665	1.366.870.694
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.166.508.892)	(1.482.408.365)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(391.585.937)	(996.908.371)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.890.184.626	1.140.500.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.094.633.835)	(2.108.216.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(97.307.185.475)	(19.812.902.287)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.151.812.325)	(4.477.441.140)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		259.545.455	343.554.009
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(4.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.071.991.425	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.513.793.012	2.604.018.641
Giảm do ảnh hưởng công ty con trở thành công ty liên kết			-	(282.128.055)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.693.517.567	(6.011.996.545)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		182.960.238.457	51.510.748.845
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(97.968.429.434)	(26.813.628.302)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(352.800.000)	(6.506.236.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		84.639.009.023	18.190.884.543
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.974.658.885)	(7.634.014.289)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		82.137.132.695	89.771.146.984
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	72.162.473.810	82.137.132.695

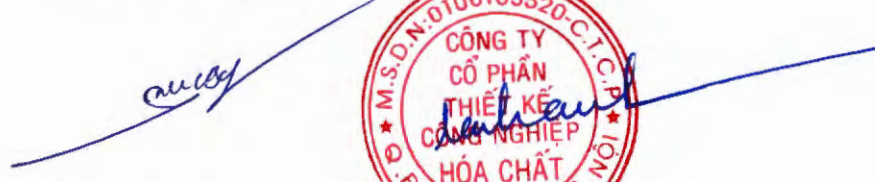
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 03 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 là 59.770.360.000 đồng. Sở hữu vốn trong Công ty tại 31/12/2018:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ
		VND	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 21 Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Số lao động tại ngày 31/12/2018 của Công ty mẹ là : 158 người (tại 01/01/2018 là 128 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 15 ngày 13/03/2018 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, Công ty liên kết như sau:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKKD)	Quyền biểu quyết
Công ty con			
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%
Công ty liên kết, liên doanh			
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây lắp	36,43%	36,43%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính Hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng nhóm Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính .

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty CP Đầu tư & Phát triển Sơn Long theo hợp đồng số 02/HDCN-L18 ký ngày 18/12/2017 tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 24.000.000.000 đồng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua Quyền sử dụng đất và Phần mềm máy tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

CHỖ
ĐÓNG
CHỮ
KÝ

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết kế, cung cấp thiết bị công nghiệp, xây dựng, tư vấn thiết kế và dịch vụ khác... hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và Lào. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo bộ phận kinh doanh và khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.691.523.555	3.149.848.166
Tiền gửi ngân hàng	51.447.626.781	28.987.284.529
Các khoản tương đương tiền	18.023.323.474	50.000.000.000
Tổng	72.162.473.810	82.137.132.695

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	83.419.765.964	126.426.744.098
Các bên liên quan		
- Công ty CP DAP số 2	37.533.684.321	37.604.285.732
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
- Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	47.250.000	92.934.000
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	17.678.099.580
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	9.762.673.557	13.914.852.000
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6.195.747.847	26.822.554.816
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.741.850.897	7.204.091.085
- Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	3.915.102.429	4.515.102.429
- Các khách hàng khác	20.332.894.611	14.704.262.154
Dài hạn	-	-
Tổng	83.419.765.964	126.426.744.098

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	62.769.463.416	22.926.124.137
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	11.742.636.850	-
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	7.953.287.146	-
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	7.447.127.325	-
Công ty TNHH cung ứng CAD	5.401.783.288	-
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	3.607.172.878	-
Công ty IMECO	2.732.723.140	-
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	2.689.830.000	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.516.910.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	-	13.912.006.500
Công ty TNHH KSB Việt Nam	-	2.417.489.540
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Trả trước các đối tượng khác	16.450.248.602	4.368.883.910
Dài hạn	-	-
Tổng	62.769.463.416	22.926.124.137

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	327.845.118.868	19.221.769.801
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.825.352.684	1.049.040.159
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	345.670.471.552	20.270.809.960
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của	(203.978.072.075)	(18.370.726.212)
Nợ còn lại (a+b+d)	141.692.399.477	1.900.083.748

5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	15.491.778.735	-	9.548.781.291	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	44.124.035	-	93.405.448	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	19.213.109	-	54.270.395	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-	10.000.000	-
Tạm ứng	13.197.174.666	-	8.686.328.360	-
Phải thu khác	2.201.266.925	-	704.777.088	-
Dài hạn	52.842.865	-	56.535.053	-
- Ký cược, ký quỹ	52.842.865	-	56.535.053	-
Tổng	15.544.621.600	-	9.605.316.344	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.6 NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó số đã dự phòng:</i>	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp				1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai				200.000.000
Khác				466.079.554
Tổng				1.806.356.554

5.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.234.511.379	-	880.615.892	-
Công cụ, dụng cụ	130.030.175	-	89.003.573	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	187.518.886.403	(119.456.149)	176.409.950.417	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	28.061.242	-
Tổng	188.911.489.199	(119.456.149)	177.407.631.124	(119.456.149)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Dự án Muối Lào) (*)	156.799.554.207	147.302.164.055
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	11.377.742.109	7.604.610.034
Các Dự án khác	19.341.590.087	21.503.176.328
Tổng	187.518.886.403	176.409.950.417

Theo thông báo số VLSC(H)/TTCL(H) - L0 4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) - đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN – ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo qui định của hợp đồng

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty đang tiếp tục làm việc với VILACHEMSALT để đàm phán về phương án tiếp tục hoặc chấm dứt hợp đồng tại 31/12/2018 số dư dở dang liên quan đến mỏ muối là 153.701.565.350 đồng, và VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng.

5.8 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	134.287.951	19.167.047.210	19.245.080.412	56.254.749
Thuế TNCN nộp thừa	-	2.700.000	-	2.700.000
Tổng	134.287.951	19.169.747.210	19.245.080.412	58.954.749

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.9 TẶNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác	Tổng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2018	16.107.417.235	10.820.540.546	11.904.917.353	3.041.980.437	41.874.855.571
Tăng trong năm	352.177.263	1.409.975.956	675.000.000	50.135.000	2.487.288.219
Mua mới trong năm	-	1.319.000.000	675.000.000	50.135.000	2.044.135.000
XDCB hoàn thành	352.177.263	90.975.956	-	-	443.153.219
Giảm trong năm	-	-	719.200.000	-	719.200.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	719.200.000	-	719.200.000
Tại ngày 31/12/2018	16.459.594.498	12.230.516.502	11.860.717.353	3.092.115.437	43.642.943.790
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2018	9.721.463.409	5.363.749.271	7.873.296.084	1.352.144.169	24.310.652.933
Tăng trong năm	480.183.054	1.384.410.215	1.661.873.677	245.413.568	3.771.880.514
Khấu hao trong năm	480.183.054	1.384.410.215	1.661.873.677	245.413.568	3.771.880.514
Giảm trong năm	-	-	508.610.232	-	508.610.232
Thanh lý, nhượng bán	-	-	508.610.232	-	508.610.232
Tại ngày 31/12/2018	10.201.646.463	6.748.159.486	9.026.559.529	1.597.557.737	27.573.923.215
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2018	6.385.953.826	5.456.791.275	4.031.621.269	1.689.836.268	17.564.202.638
Tại ngày 31/12/2018	6.257.948.035	5.482.357.016	2.834.157.824	1.494.557.700	16.069.020.575

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 12.018.739.737 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2018 là 4.822.485.859 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2018	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>1.658.166.400</u>	<u>4.416.750.000</u>	<u>6.074.916.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2018	151.661.565	3.264.556.572	3.416.218.137
Tăng trong năm	40.443.084	498.193.332	538.636.416
Khấu hao trong năm	40.443.084	498.193.332	538.636.416
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2018	<u>192.104.649</u>	<u>3.762.749.904</u>	<u>3.954.854.553</u>
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2018	<u>1.506.504.835</u>	<u>1.152.193.428</u>	<u>2.658.698.263</u>
Tại 31/12/2018	<u>1.466.061.751</u>	<u>654.000.096</u>	<u>2.120.061.847</u>

5.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí xây dựng, lắp đặt và sửa chữa tài sản.	2.015.171.232	2.388.459.873
Tổng	<u>2.015.171.232</u>	<u>2.388.459.873</u>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2018 và ngày 01/01/2018 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.12 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ			31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
				Dự phòng		Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết				3.193.869.296		3.181.767.482	
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.193.869.296		3.181.767.482	
Đầu tư vào đơn vị khác				1.638.000.000		1.638.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000		1.638.000.000	
Tổng				4.831.869.296		4.819.767.482	

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý cho các khoản đầu tư do các Công ty nhận đầu tư chưa niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	1.228.362.713	1.355.829.378
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	1.228.362.713	1.355.829.378
Tổng	1.228.362.713	1.355.829.378

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018 VND		01/01/2018 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	33.107.393.440	33.107.393.440	47.205.295.610	47.205.295.610
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Công ty CP CECO Hà Nội	5.930.928.912	5.930.928.912	12.210.997.067	12.210.997.067
Công ty CP DAP Số 2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	304.000.000	304.000.000
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nga Sơn	-	-	11.600.632.500	11.600.632.500
K-UTECH AG Salt Technologies	10.182.466.008	10.182.466.008	10.382.465.808	10.382.465.808
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	1.793.908.000	1.793.908.000	-	-
Các đối tượng khác	13.797.280.583	13.797.280.583	12.707.200.235	12.707.200.235
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	33.107.393.440	33.107.393.440	47.205.295.610	47.205.295.610

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	213.144.482.439	251.794.159.804
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	25.266.521.017	65.272.983.064
Các khách hàng khác	6.066.156.511	7.634.148.567
Dài hạn	-	-
Tổng	213.144.482.439	251.794.159.804

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018 VND	Số phát sinh tăng trong năm VND	Số phát giảm trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế GTGT	2.565.680.735	39.574.506.677	32.709.453.573	9.430.733.839
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.737.675	215.737.675	-
Thuế TNDN	674.109.136	3.457.000.846	3.354.290.414	776.819.568
Thuế TNCN	59.251.921	356.008.348	304.445.808	110.814.461
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.256.891.032	1.256.891.032	-
Các loại thuế khác	14.612.947	333.185.061	267.168.904	80.629.104
Tổng	3.313.654.739	45.193.329.639	38.107.987.406	10.398.996.972

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	119.830.283.907	20.110.100.601
- Dự án Đạm Cà Mau	119.072.639.953	14.543.625.438
- Dự án DAP Số 2		3.178.531.700
- Các Dự án khác	581.092.209	1.601.300.256
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	176.551.745	786.643.207
Dài hạn	-	-
Tổng	119.830.283.907	20.110.100.601

5.18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	673.828.870	823.702.841
Kinh phí công đoàn	14.277.937	203.592.827
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	126.971.220	505.250.285
Lãi vay phải trả ngân hàng	131.758.358	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.663.220	10.302.635
Dư có TK 141	100.954.400	-
Phải trả khác	292.203.735	104.557.094
Dài hạn	-	-
Tổng	673.828.870	823.702.841

01
 INC
 T N I
 M
 VI
 H P

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	109.658.354.360	109.658.354.360	182.960.238.457	97.795.089.434	24.493.205.337	24.493.205.337
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	67.098.845.057	67.098.845.057	125.373.324.807	58.274.479.750	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	26.395.678.047	26.395.678.047	26.395.678.047	-	-	-
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai (3)	9.997.780.168	9.997.780.168	26.225.184.515	24.225.398.934	7.997.994.587	7.997.994.587
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (4)	3.126.051.088	3.126.051.088	3.126.051.088	8.012.390.750	8.012.390.750	8.012.390.750
Vay cá nhân (5)	3.040.000.000	3.040.000.000	1.840.000.000	7.282.820.000	8.482.820.000	8.482.820.000
Vay dài hạn đến hạn trả	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000	173.340.000
Vay dài hạn	57.760.000	57.760.000	-	173.340.000	231.100.000	231.100.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm (6)	57.760.000	57.760.000	-	173.340.000	231.100.000	231.100.000
Tổng	109.889.454.360	109.889.454.360	183.133.578.457	98.141.769.434	24.897.645.337	24.897.645.337

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số : 01/2017/6401629/HĐTD ngày 08/12/2017, thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức sử dụng tối đa 300 tỷ đồng. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dao động từ 6% đến 8%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2018/CTD/VCBHN-CECO ngày 14/08/2018, Giới hạn vay 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực và không muộn hơn ngày 30/08/2019. Lãi suất xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể dao động từ 5,9% đến 6,6%/năm. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh dự án EPC, tài trợ thương mại. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp.

(3) Vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20170284/HĐTD/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017; Hạn mức cho vay: tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 8.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: của mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng Giấy Nhận nợ; Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, áp dụng đối với nhu cầu vay vốn phục vụ kinh doanh của DN nhỏ và vừa theo nghị định 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo được quy định trong hợp đồng bảo đảm số 201701227/HĐBD/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 20180194/HĐTD/KHBL ngày 03 tháng 04 năm 2018; Hạn mức cho vay: tối đa tại mọi thời điểm không vượt quá 10.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn cho vay: của mỗi khoản nợ tối đa 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân và được ghi trên từng Giấy Nhận nợ; Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay: tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ, áp dụng đối với nhu cầu vay vốn phục vụ kinh doanh của DN nhỏ và vừa theo nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Lãi suất đối với dư nợ gốc quá hạn: 150% lãi suất cho vay; Bảo đảm tiền vay: Tài sản đảm bảo được quy định trong Hợp đồng bảo đảm số 20170127/HĐBB/KHBL ngày 05 tháng 04 năm 2017.

(4) Hợp đồng vay số 17798.18.057.2614259.TD ngày 29/05/2018 giữa Công ty CP Dịch vụ kỹ thuật Công nghiệp hóa chất và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Trong đó tổng hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán tối đa tại mọi thời điểm là 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/05/2019. Lãi suất theo từng lần nhận khế ước. Khoản vay được đảm bảo bởi bất động sản thuộc quyền sở hữu cá nhân của Giám đốc công ty.

(5) Hợp đồng vay cá nhân với lãi suất từ 0 % - 9%/ năm

(6) Hợp đồng vay số 101052.17.057.2614259.TD ngày 25/04/2017 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất và Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm. Số tiền vay: 520.000.000 đồng. Mục đích vay: tài trợ khách hàng mua 1 xe theo hợp đồng mua bán xe ô tô số NH0307/2017/HĐMB – MDGP ngày 13/04/2017 giữa Công ty cổ phần xây dựng và vật tư thiết bị và Khách hàng. Thời hạn cho vay 48 tháng lãi suất 9,1%/ Năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí
Số dư tại 01/01/2017	59.770.360.000	18.457.690.767	9.585.172.303	17.072.104.992	532.533.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	(477.787.822)	589.611.670	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	1.140.500.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	(1.477.992.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	85.295.945	(85.295.945)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(662.098.388)	(38.961.137)	-
Cổ tức	-	-	(5.977.036.000)	(529.200.000)	-
Biến động do ảnh hưởng công ty con thành công ty liên kết	-	(16.846.425)	3.682.026	(2.984.268.517)	-
Biến động khác	-	-	70.000.000	-	-
Số dư tại 31/12/2017	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Số dư tại 01/01/2018	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	4.327.316.666	-	619.920.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.327.316.666	-	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	619.920.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	63.600.240	110.048.473	599.931.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	599.931.000
Trích lập quỹ	-	-	63.600.240	-	-
Giảm khác	-	-	-	110.048.473	-
Số dư tại 31/12/2018	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535	215.030.000

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận
				31/12/2018 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần Việt Sáng Tạo	26.801	268.010.000	0,45%	268.010.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	1.924.657	19.246.570.000	32,20%	19.246.570.000
Các cổ đông khác	744.204	7.442.040.000	12,45%	7.442.040.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.724.430.333

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.536.882.376	18.526.140.287
Tổng	18.536.882.376	18.526.140.287

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.21 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của Cổ đông không kiểm soát	12.956.500.000	12.956.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	501.472.020	450.686.738
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.266.515	702.100.270
Tổng	13.999.238.535	14.109.287.008

5.22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ (USD)	6.834	8.572
Ngoại tệ (LAK)	100	100
Ngoại tệ (EUR)	380	390

5.23 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	370.243.867.056	109.709.088.412
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	30.331.977.478	15.898.286.119
Doanh thu Bán hàng	-	2.930.573.632
Doanh thu khác	3.461.524.070	2.310.831.396
Tổng	404.037.368.604	130.848.779.559
Các khoản giảm trừ doanh thu (<i>chiếu khấu bán hàng</i>)	47.915.116	30.545.500
Doanh thu thuần	403.989.453.488	130.818.234.059

5.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	334.731.655.455	97.511.045.639
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	35.325.967.357	10.903.893.590
Giá vốn bán hàng	-	651.782.295
Giá vốn hoạt động khác	2.877.491.565	1.901.787.200
Tổng	372.935.114.377	110.968.508.724

5.25 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.464.837.325	2.604.018.641
Cổ tức được chia	-	636.327.119
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	203.386.466	121.000
Tổng	2.668.223.791	3.240.466.760
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	2.166.508.892	1.392.100.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.856.831	48.522.246
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	25.507.928	210.420.808
Chi phí tài chính khác	1.633.198	12.420.822
Tổng	2.226.506.849	1.663.464.479
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	441.716.942	1.577.002.281

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.863.067.703	4.740.513.015
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	356.864.789	857.507.126
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.147.151.303	2.176.934.288
Thuế, phí, lệ phí	1.282.235.214	834.973.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	11.901.618.777	13.231.659.551
Tổng	25.550.937.786	21.841.587.399

5.27 THU NHẬP KHÁC / CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	48.955.687	165.959.074
Xử lý nợ phải trả	81.322.000	-
Thu nhập cho thuê văn phòng	298.406.229	
Các khoản khác	497.276.855	1.141.760.491
Tổng	925.960.771	1.307.719.565
Chi phí khác		
Các khoản phạt và lãi chậm nộp	273.232.116	-
Chi phí khác	601.981.686	551.925.886
Tổng	875.213.802	551.925.886
Lãi (lỗ) hoạt động khác	50.746.969	755.793.679

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.007.967.050	429.790.381
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN	927.600.820	1.160.042.284
- Các khoản điều chỉnh tăng	927.600.820	1.160.042.284
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	6.935.567.870	1.589.832.665
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	<u>1.387.113.574</u>	<u>317.966.533</u>

5.29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	4.327.316.666	(477.787.822)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.327.316.666	(477.787.822)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	5.977.036	5.977.036
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	724	(80)

5.30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.382.747.509	122.537.680.338
Chi phí nhân công	36.786.129.963	42.046.735.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.311.639.657	5.362.514.862
Chi phí phải trả đã trích	119.734.993.496	17.869.457.227
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.771.716.762	6.967.183.048
Chi phí khác bằng tiền	2.764.408.527	5.046.680.037
Tổng	<u>436.751.635.914</u>	<u>199.830.251.327</u>

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	200.000.000	240.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	72.000.000	120.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	1.480.692.380	882.313.023

6.1 Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<u>Giao dịch bán hàng</u>			
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	246.454.091	3.721.768.824
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	449.991.818	445.000.000
Công ty Cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	Cung cấp dịch vụ	-	69.470.909
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.784.438.845	951.535.455
Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	Cung cấp dịch vụ	-	42.965.000
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	656.576.000	340.909.091
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	1.203.013.045	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	1.375.818.182	-
<u>Giao dịch mua hàng</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ	589.090.909	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ	8.249.924.130	9.877.510.000
<u>Giao dịch khác</u>			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Trả cổ tức	-	1.787.492.000

Số dư các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Phải thu khách hàng	37.533.684.321	37.557.285.732
	Phải trả người bán	1.402.809.937	304.000.000
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	47.250.000	28.800.000
	Người mua trả tiền trước	-	-
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	178.887.028.173
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	5.930.928.912	12.210.997.067
	Phải thu khác	1.586.590.000	

6.2 Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2018 như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ
	Hợp nhất		
31/12/2018			
Tài sản của bộ phận	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.193.869.296	-	-
Tài sản không phân bổ			272.848.145.298
Tổng tài sản			588.897.841.175
Nợ phải trả của bộ phận	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)
Nợ phải trả không phân bổ			247.098.560.453
Tổng nợ phải trả			489.655.977.663
Năm kết thúc ngày 31/12/2018			
Chi tiêu vốn			2.151.812.325
Khấu hao tài sản cố định hữu hình			3.771.880.514
Khấu hao tài sản cố định vô hình			538.636.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 -DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau

Đơn vị tính: VND

Năm kết thúc ngày 31/12/2018	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình			Loại trừ	Hợp nhất
	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ		
Tổng doanh thu của bộ phận	376.479.793.916	33.793.501.548	(6.283.841.975)		403.989.453.489
Kết quả kinh doanh của bộ phận	35.512.211.601	(4.409.957.374)	(47.915.116)		31.054.339.111
Chi phí không phân bổ					(25.109.220.844)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					5.945.118.267
Thu nhập khác					925.960.771
Chi phí khác					(875.213.802)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết					12.101.814
thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.387.113.574)
Lợi nhuận thuần sau thuế					4.620.853.476

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2017 như sau:

1/1/2018	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình			Loại trừ	Hợp nhất
	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ		
Tài sản của bộ phận	308.417.910.287	18.419.677.717	(29.144.299.373)		297.693.288.631
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.181.767.482	-	-		3.181.767.482
Tài sản không phân bổ					146.523.408.915
Tổng tài sản					447.398.465.028
Nợ phải trả của bộ phận	299.265.028.064	2.993.283.477	(9.854.778.614)		292.403.532.927
Nợ phải trả không phân bổ					59.937.467.632
Tổng nợ phải trả					352.341.000.559
Năm kết thúc ngày 31/12/2017					
Chi tiêu vốn					4.477.441.140
Khấu hao tài sản cố định hữu hình					4.524.272.729
Khấu hao tài sản cố định vô hình					838.242.133

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
Năm kết thúc ngày 31/12/2017								
Tổng doanh thu của bộ phận	151.028.147.937	5.210.859.528	(25.420.773.406)					130.818.234.059
Kết quả kinh doanh của bộ phận	17.222.435.302	2.657.290.033	(30.000.000)					19.849.725.335
Chi phí không phân bổ								(20.264.585.118)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								(414.859.783)
Thu nhập khác								1.307.719.565
Chi phí khác								(551.925.886)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết								88.856.485
thuế thu nhập doanh nghiệp								(317.966.533)
Lợi nhuận thuần sau thuế								111.823.848

b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước Cộng hòa DCND Lào		Hợp nhất	
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2018	31/12/2017	Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018	31/12/2017	Tại ngày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017	31/12/2017
Doanh thu của bộ phận	403.989.453.488	130.818.234.059	156.799.554.207	147.302.164.055	403.989.453.488	130.818.234.059
Tài sản của bộ phận	357.784.000.833	179.458.335.304			514.583.555.040	326.760.499.359
Tài sản không phân bổ					74.314.286.135	120.637.965.669
Chi tiêu vốn					2.151.812.325	4.477.441.140

6.4 Thông tin so sánh

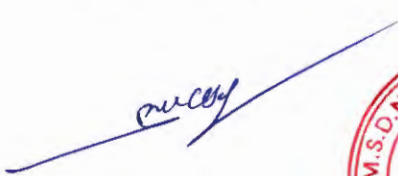
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập



Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

